TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 01/2020/DS-ST Ngày 24 tháng 7 năm 2020 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Sơn;

2. Bà Vũ Thị Hải Vân.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Hà Trang - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: bà Trịnh Thị Huế – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXX-ST ngày 28 tháng 5 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-DS ngày 26/6/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng C.**

Địa chỉ: số 16, phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Dương Quyết Th, chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng C.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đoàn Văn Ng, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. (Văn bản ủy quyền ngày 25/11/2016).

Người đại diện theo ủy quyền lại: ông Đinh Gia N, chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C thành phố T, tỉnh Ninh Bình. (Văn bản ủy quyền ngày 12/7/2019).

Địa chỉ của Phòng giao dịch Ngân hàng Ngân hàng C thành phố T, tỉnh Ninh Bình: tổ 10B, phường B, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

2. Bị đơn:

+ Ông Phạm Xuân Tr, sinh năm 1964.

+ Bà Hoàng Thị Q, sinh năm 1965.

Cùng địa chỉ: số nhà 23, ngõ 07, đường H, tổ 01, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

3. Người làm chứng: bà Trương Thị N, sinh năm 1954.

Địa chỉ: số nhà 36, ngõ 1, đường H, tổ 1, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: ông Đinh Gia N, bà Trương Thị N đều có mặt. Bà Hoàng Thị Q, ông Phạm Xuân Tr đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01 tháng 01 năm 2020 của Ngân hàng, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 26/02/2016, Ngân hàng C (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) đã đồng ý ký kết Sổ vay vốn số 1000064485, món vay số 6600000706579294 với bà Hoàng Thị Q và ông Phạm Xuân Tr, nội dung món vay trong Sổ vay vốn cụ thể như sau: sản phẩm vay: chương trình hộ mới thoát nghèo; số tiền cho vay: 50.000.000 đồng; mục đích vay: trồng cây dứa; thời hạn vay: 36 tháng; định kỳ trả gốc: 12 tháng/lần; số tiền mỗi lần 12.500.000 đồng; ngày bắt đầu phải trả kỳ gốc đầu tiên: 26/02/2017. Quá trình kiểm tra sử dụng vốn vay cho thấy gia đình bà Hoàng Thị Q và ông Phạm Xuân Tr đã sử dụng vốn vay đúng mục đích. Do gia đình bà Hoàng Thị Q và ông Phạm Xuân Tr gặp khó khăn về tài chính nên đến ngày 07/02/2018 gia đình bà Hoàng Thị Q và ông Phạm Xuân Tr mới thanh toán số tiền gốc định kỳ phải trả là 3.000.000 đồng và xin Ngân hàng chuyển toàn bộ số tiền gốc định kỳ và lãi phát sinh phải trả vào kỳ hạn cuối cùng. Tuy nhiên gia đình bà Hoàng Thị Q và ông Phạm Xuân Tr gặp nhiều khó khăn dẫn đến thua lỗ, không trả được gốc lãi cho Ngân hàng. Ngày 07/3/2019, Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn và tính lãi suất vay quá hạn theo đúng quy định.

Ngày 17/3/2017, Ngân hàng ký kết món vay số 6600000709815850 với bà Hoàng Thị Q và ông Phạm Xuân Tr nội dung: sản phẩm vay: chương trình học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn; số tiền cho vay: 43.750.000 đồng; số tiền đã cho vay là : 18.750.000 đồng; mục đích vay: chi phí học tập; thời hạn vay: 95 tháng; định kỳ trả gốc: 6 tháng/lần; ngày bắt đầu phải trả kỳ gốc đầu tiên 01/10/2021. Cũng vì lý do đã nêu ở nội dung trên, gia đình bà Hoàng Thị Q và ông Phạm Xuân Tr gặp nhiều khó khăn dẫn đến không trả được số tiền lãi phát sinh hàng tháng cho Ngân hàng.

Việc bà Hoàng Thị Q, ông Phạm Xuân Tr chậm thanh toán số tiền gốc, lãi cho Ngân hàng là vi phạm quy định chế độ tín dụng của Nhà nước, đi ngược lại cam kết đã ký ban đầu giữa hộ vay và Ngân hàng.

Tại đơn khởi kiện, Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết: buộc bà Hoàng Thị Q và ông Phạm Xuân Tr phải trả cho Ngân hàng với số tiền tạm tính đến ngày 01/01/2020 đối với món vay ngày 26/02/2016 là 54.248.274 đồng (trong đó, nợ gốc là: 47.000.000 đồng, nợ lãi là: 7.248.274 đồng) và món vay ngày 17/3/2017 với tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 01/01/2020 là 20.662.185 đồng (trong đó, nợ gốc là: 18.750.000 đồng, nợ lãi là : 1.912.185 đồng) và toàn bộ lãi trong hạn, lãi quá hạn phát sinh cho đến khi bà Hoàng Thị Q và ông Phạm Xuân Tr thanh toán xong nợ gốc.

Trong đơn khởi kiện, Ngân hàng đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản như Sổ vay vốn, Giấy ủy quyền, Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay. Hiện nay ông Phạm Xuân Tr, bà Hoàng Thị Q đi vắng, không có mặt tại địa chỉ ghi trong giao dịch với Ngân hàng nhưng không thông báo cho Ngân hàng biết về nơi cư trú, làm việc mới của mình. Ông Phạm Xuân Tr, bà Hoàng Thị Q cố tình giấu địa chỉ. Do đó Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập các bị đơn là bà Hoàng Thị Q, ông Phạm Xuân Tr đến Tòa án để lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng các bị đơn vẫn không đến Tòa án.

*. Tại phiên tòa: người đại diện hợp pháp của Ngân hàng vẫn giữa nguyên yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà Hoàng Thị Q và ông Phạm Xuân Tr trả nợ đối với món vay ngày 26/02/2016 về sản phẩm vay chương trình hộ mới thoát nghèo. Đồng thời, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc: "Buộc bà Hoàng Thị Q và ông Phạm Xuân Tr phải trả cho Ngân hàng C theo hợp đồng vay ngày 17/3/2017 (mã món vay số 6600000709815850) với số tiền là 20.662.185 đồng (trong đó, nợ gốc là: 18.750.000 đồng, nợ lãi là : 1.912.185 đồng) và toàn bộ lãi trong hạn, lãi quá hạn phát sinh cho đến khi bà Hoàng Thị Q và ông Phạm Xuân Tr thanh toán xong nợ gốc".

*. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án là đúng; việc tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các bị đơn vi phạm quy định Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 101, Điều 103, Điều 117, Điều 280, Điều 282, Điều 288, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của

Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử: Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Q và ông Tr phải trả cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 6600000709815850 ngày 17/3/2017, số tiền đã cho vay là 18.750.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 01/01/2020 là 1.912.185 đồng. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với hợp đồng tín dụng số 6600000706579294: buộc bà Q và ông Tr có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền 57.206.854 đồng; trong đó, 47.000.000 đồng tiền gốc và 10.206.854 đồng tiền lãi tính đến hết ngày 24/7/2020. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Q, ông Tr phải nộp 2.860.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Tại Biên bản xác minh ngày 11/5/2020, Công an phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình cung cấp: ông Phạm Xuân Tr, sinh năm 1964, bà Hoàng Thị Q, sinh năm 1965 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà 23, ngõ 7, đường H, tổ 1, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. Hiện nay, ông Phạm Xuân Tr và bà Hoàng Thị Q đi vắng, không có mặt tại địa phương nhưng vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú nêu trên. Công an phường T không biết nơi cư trú mới, nơi làm việc mới của ông Phạm Xuân Tr, bà Hoàng Thị Q và họ đi vắng không thông báo cho Công an biết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Hoàng Thị Q, ông Phạm Xuân Tr trả tiền vay vốn để gia đình trồng cây dứa, thuộc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Các bị đơn có nơi cư trú tại thành phố T, tỉnh Ninh Bình. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại Sổ vay vốn số 1000064485, tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay, tại Giấy ủy quyền thể hiện bà Hoàng Thị Q, ông Phạm Xuân Tr có nơi cư trú tại địa chỉ phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. Tuy nhiên, các bị đơn đã thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới, được coi là cố tình giấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tại phiên tòa ngày 26/6/2020, người đại diện hợp pháp Ngân hàng có mặt; các bị đơn, người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất mà vắng mặt không có lý do, Tòa án quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 24/7/2020, người đại diện hợp pháp Ngân hàng, người làm chứng có mặt; các bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng

mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng, thông báo đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng các bị đơn không có ý kiến phản hồi hay cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Các bị đơn cũng không thể hiện ý kiến, quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án xem xét đánh giá tài liệu, chứng cứ đã được đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được theo quy định của pháp luật.

*. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về hợp đồng vay ngày 17/3/2017 (mã món vay số 6600000709815850) giữa Ngân hàng với bà Q và ông Tr.

Tòa án xét thấy việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án chấp nhận việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, Tòa án đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc: "Buộc bà Hoàng Thị Q và ông Phạm Xuân Tr phải trả cho Ngân hàng C theo hợp đồng vay ngày 17/3/2017 (mã món vay số 6600000709815850) với số tiền là 20.662.185 đồng (trong đó, nợ gốc là: 18.750.000 đồng, nợ lãi là : 1.912.185 đồng) và toàn bộ lãi trong hạn, lãi quá hạn phát sinh cho đến khi bà Hoàng Thị Q và ông Phạm Xuân Tr thanh toán xong nợ gốc".

Đối với yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn đối với hợp đồng vay ngày 26/02/2016, mã món vay số 6600000706579294, Tòa án xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án.

Về hiệu lực của hợp đồng vay ngày 26/02/2016 (mã món vay số 6600000706579294).

Ngày 26/02/2016, Ngân hàng và bà Q, ông Tr đã ký kết hợp đồng tại Sổ vay vốn số 1000064485, Sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ và Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay, chương trình cho vay hộ mới thoát nghèo với số tiền Ngân hàng duyệt cho vay là 50.000.000 đồng, mục đích vay: trồng dứa; lãi suất 0,6875%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay; thời hạn vay 36 tháng; kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần; số tiền trả nợ 16.700.000 đồng/lần; hạn trả nợ cuối cùng ngày 26/02/2019.

Tại thời điểm vay vốn, bên vay có đủ năng lực hành vi dân sự, bên cho vay có đủ năng lực pháp luật dân sự khi tham gia ký kết hợp đồng vay vốn, các bên tham gia ký kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, hợp đồng đảm bảo về nội dung, hình thức, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên căn cứ vào Sổ vay vốn, Sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ, Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay, Phiếu giải ngân, Tòa án xác định hợp đồng vay ngày 26/02/2016 (mã món vay số 6600000706579294) nêu trên có hiệu lực pháp luật.

Về nghĩa vụ trả nợ vay:

Theo Sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ và Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay được Ngân hàng phê duyệt thì người vay là bà Hoàng Thị Q. Tuy nhiên mục đích bà Q vay vốn 50.000.000 đồng để trồng dứa nhưng sử dụng vào việc làm kinh tế gia đình mà ông Phạm Xuân Tr là chồng bà Q. Mặt khác, tại Giấy ủy quyền ông Phạm Xuân Tr đã ủy quyền cho bà Q thực hiện đứng tên người vay và thực hiện các giao dịch với Ngân hàng, trong đó ông Tr bà Q cam kết chịu trách nhiệm đối với toàn bộ các khoản vay tại Ngân hàng C(Bút lục số 18). Do đó, ông Tr phải có nghĩa vụ liên đới với bà Q trả nợ vay cho Ngân hàng theo quy định tại Điều 101, Điều 103, Điều 288 của Bộ luật Dân sự và Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với khoản nợ gốc:

Thực hiện hợp đồng, ngày 26/02/2016 Ngân hàng đã giải ngân cho bị đơn vay 50.000.000 đồng.

Ngày 07/02/2018 bà Quế đã trả cho Ngân hàng là 3.000.000 đồng tiền gốc.

Đến hạn trả nợ cuối cùng là ngày 26/02/2019 nhưng các bị đơn vẫn không trả số tiền gốc còn lại 47.000.000 đồng.

Ngày 07/3/2019 Ngân hàng chuyển số tiền gốc 47.000.000 đồng thành khoản nợ quá hạn.

Xét hợp đồng vay ngày 26/02/2016, hạn trả nợ cuối cùng ngày 26/02/2019; các bị đơn đã chậm thực hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận đối với khoản vay nêu trên, vi phạm Điều 282 Bộ luật Dân sự nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ là phù hợp với quy định của pháp luật.

Như vậy các bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc nên Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc các bị đơn phải trả cho Ngân hàng khoản vay ký ngày 26/02/2016 với số tiền gốc là 47.000.000 đồng.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về trả tiền lãi:

Tại phiên tòa, người làm chứng là bà Trương Thị N trình bày: thời điểm ông Tr, bà Q vay vốn của Ngân hàng thì bà Trần Thị Nh làm Tổ trưởng tổ vay vốn tiết kiệm nên bà Nh là người biết nhiều tình tiết có liên quan đến vụ án nêu trên. Khoảng năm 2017 thì bà Trần Thị Nh chết do bị tai nạn giao thông. Kể từ khi bà làm Tổ trưởng tổ vay vốn tiết kiệm đến nay, bà đã thu tiền lãi của ông Tr, bà Q từ tháng 4/2017 đến tháng 5/2018.

Theo nội dung ký kết giữa bà Hoàng Thị Q, ông Phạm Xuân Tr với Ngân hàng, căn cứ lời khai của người làm chứng, các bên thỏa thuận hợp đồng vay ký ngày 26/02/2016 (mã món vay số 6600000706579294): lãi suất trong hạn là 8,25%/năm (tức 0,6875%/tháng); lãi suất quá hạn bằng 130% của lãi suất trong hạn (tức 0,8938%/tháng).

Kể từ khi vay đến ngày 07/5/2018, các bị đơn đã trả 9.094.069 đồng tiền lãi.

Do đó, số tiền lãi tính từ ngày 08/5/2018 đến khi xét xử sơ thẩm là:

+ Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả: tính từ ngày 08/5/2018 đến hết ngày 06/3/2019 (tức 303 ngày), cụ thể:

47.000.000 đồng x 303 ngày x 8,25%/365 ngày = 3.218.856 đồng.

- Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả: tính từ ngày 07/3/2019 *đến hết ngày 24/7/2020 (tức 506 ngày), cụ thể:*

47.000.000 đồng x 506 ngày x 8,25%/365 ngày x 130%= 6.987.998 đồng.

Tổng cộng tiền lãi: 10.206.854 đồng.

Như vậy, tính đến hết ngày 24/7/2020 các bị đơn phải trả cho Ngân hàng số tiền là:

47.000.000 đồng tiền gốc + 10.206.854 đồng tiền lãi = 57.206.854 đồng.

Căn cứ Điều 117, Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với hợp đồng vay ngày 26/02/2016 (mã món vay số 6600000706579294) về việc buộc các bị đơn phải trả tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng tính đến hết ngày 24/7/2020 là 57.206.854 đồng; trong đó, tiền nợ gốc là 47.000.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 3.218.856 đồng, lãi quá hạn là 6.987.998 đồng.

Kể từ ngày 25/7/2020 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng vay ngày 26/02/2016 (mã món vay số 6600000706579294) nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm của số tiền 57.206.854 đồng, cụ thể:

57.206.854 đồng x 5% = 2.860.342đồng, làm tròn 2.860.000 đồng.

Ngân hàng C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự trong vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 101, Điều 103, Điều 117, Điều 280, Điều 282, Điều 288, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc: "Buộc bà Hoàng Thị Q và ông Phạm Xuân Tr phải trả cho Ngân hàng C theo hợp đồng vay ngày 17/3/2017 (mã món vay số 6600000709815850) với số tiền là 20.662.185 đồng (trong đó, nợ gốc là: 18.750.000 đồng, nợ lãi là : 1.912.185 đồng) và toàn bộ lãi trong hạn, lãi quá hạn phát sinh cho đến khi bà Hoàng Thị Q và ông Phạm Xuân Tr thanh toán xong nợ gốc".

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với hợp đồng vay ngày 26/02/2016 (mã món vay số 6600000706579294).

Buộc bà Hoàng Thị Q và ông Phạm Xuân Tr có trách nhiệm trả cho Ngân hàng C số tiền tính đến hết ngày 24/7/2020 là 57.206.854 đồng (năm mươi bảy triệu hai trăm linh sáu nghìn tám trăm năm mươi bốn đồng); trong đó, tiền nợ gốc là 47.000.000 đồng (bốn mươi bảy triệu), tiền nợ lãi trong hạn là 3.218.856 đồng (ba triệu hai trăm mười tám nghìn tám trăm năm mươi sáu đồng), lãi quá hạn là 6.987.998 đồng (sáu triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn chín trăm chín mươi tám đồng).

Kể từ ngày 25/7/2020 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng vay ngày 26/02/2016 (mã món vay số 6600000706579294) nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Hoàng Thị Q, ông Phạm Xuân Tr phải chịu 2.860.000 đồng (hai triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bà Hoàng Thị Q, ông Phạm Xuân Tr vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND TP. Tam Điệp;
- Chi cục THADS TP. Tam Điệp;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phượng